CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200107297 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 23/12/2009, Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 29/12/2017)

- Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, tp Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

- Số điện thoại: (0299) 3820 943 ***- Số fax: (0299) 3821278***

- Website: www.soctrangwaco.vn ***- Email: info@soctrangwaco.vn***

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ..95.../BC-CN	*Sóc Trăng, ngày 27 tháng 3 năm 2023*

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

(Theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính)

I. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG
- Tên viết tắt: SOCTRANGWACO
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200107297 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 23/12/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 29/12/2017.
- Vốn điều lệ: 158.631.330.000 đồng *(Một trăm năm mươi tám tỷ, sáu trăm ba mươi mốt triệu, ba trăm ba mươi ngàn đồng).*
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 158.631.330.000 đồng *(Một trăm năm mươi tám tỷ, sáu trăm ba mươi mốt triệu, ba trăm ba mươi ngàn đồng)*
- Địa chỉ: Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
- Số điện thoại: (0299) 3820 943 - Số fax: (0299) 3821278
- *Website*: www.soctrangwaco.vn - Email: info@soctrangwaco.vn
- Mã cổ phiếu: STW

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Nhà máy nước Sóc Trăng được thành lập vào năm 1964 *(tên gọi là Công quản Nhà máy nước Khánh Hưng)*, công suất ban đầu là 3.000 m^3/ngày đêm từ nguồn nước mặt của kênh Ô Ven qua Chợ Vũng Thơm vào Hồ Nước Ngọt, được quản lý và điều hành bởi một Hội đồng Công quản.

- Đến năm 1968, hình thành thêm hai Nhà máy nước Mỹ Xuyên và Phú Tâm cung cấp vòi nước công cộng và chủ yếu vận hành bơm nước bằng máy nổ.

- Năm 1972, đổi tên là Trung tâm Cấp thủy trực thuộc Quốc gia sản cấp Thủy cục do Bộ Công Chánh chế độ Sài Gòn cũ quản lý.

- Đến năm 1992, Nghị quyết Quốc hội chia Hậu Giang thành 2 tỉnh Cần Thơ và Sóc Trăng. Từ Xí nghiệp Cấp nước, được UBND tỉnh Sóc Trăng quyết định nâng lên thành Công ty Cấp nước tỉnh Sóc Trăng. Bước đầu mới thành lập gồm có Nhà máy nước Thị xã công suất 8.000 m^3/ngày đêm và 03 Chi nhánh huyện trực thuộc Mỹ Xuyên, Thạnh Trị và Vĩnh Châu với tổng số vốn ban đầu là một tỷ tám trăm triệu đồng, tổng số hộ được cấp nước là 4.350 hộ.

- Đầu năm 2010, Công ty Cấp nước Sóc Trăng được chuyển thành Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng kể từ ngày 01/01/2010 do Nhà nước sở hữu 100% vốn *(theo Quyết định số 560/QĐTC-CTUBND ngày 18/12/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng).*

- Ngày 26/6/2017, UBND tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định số 1504/QĐ-UBND phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng thành Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng.

- Công ty tổ chức phiên họp Đại hội đồng cổ đông thành lập lần thứ nhất vào ngày 28/12/2017 và chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200107297 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 23/12/2009; Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 29/12/2017, với mức vốn điều lệ là 158.631.330.000 đồng.

3. Ngành nghề kinh doanh

STT	NGÀNH NGHỀ	MÃ NGÀNH
1.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước *(Sản xuất và phân phối nước sạch);*	*3600 (chính)*
2.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng *(Sản xuất nước uống đóng chai)*;	*1104*
3.	Sản xuất khai thác chưa phân vào đâu *(chế tạo thiết bị ngành nước);*	*3290*
4.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng *(bán vật tư, thiết bị ngành nước);*	*4663*
5.	Xây dựng nhà các loại;	*4100*
6.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;	*4210*
7.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác *(công nghiệp, thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật);*	*4290*
8.	Lắp đặt hệ thống điện;	*4321*
9.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;	*4322*
10.	Đại lý môi giới đấu giá *(Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa);*	*4610*
11.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu *(bán hóa chất ngành nước trừ hóa chất nhà nước cấm);*	*4669*
12.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;	*4933*
13.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;	*5210*
14.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: đại lý giao nhận, vận tải hàng hóa;	*5229*

STT	NGÀNH NGHỀ	MÃ NGÀNH
15.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;	6810
16.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản. Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn bất động sản; - Dịch vụ đấu giá bất động sản; - Dịch vụ quảng cáo bất động sản; - Dịch vụ quản lý bất động sản.	*6820*
17.	Hoạt động tư vấn quản lý *(tư vấn lập dự án đầu tư, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình);*	*7020*
18.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật *(Dịch vụ kiểm định đo lường đồng hồ nước);*	*7120*
19.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu *(Xuất, nhập khẩu các mặt hàng do công ty kinh doanh; Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa).*	*8299*

SOCTRANGWACO cung cấp nước sạch khu vực trọng điểm là thành phố Sóc Trăng và trung tâm các huyện, thị xã, thị trấn trong toàn tỉnh.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Tổng Giám đốc.

4.2 .Cơ cấu bộ máy quản lý

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị: 05 thành viên;
- Ban kiểm soát: 03 thành viên;
- Tổng Giám đốc: 01 thành viên;
- Bộ máy quản lý thuộc quyền điều hành của Tổng Giám đốc:
  + Phó Tổng Giám đốc: 03 thành viên;
  + Kế toán trưởng: 01 thành viên;
  + Các phòng, xí nghiệp nghiệp vụ: 07 đơn vị;
  + Các Xí nghiệp cấp nước trực thuộc: 11 đơn vị.

4.3. Các công ty con, công ty liên kết: 01 công ty, với các thông tin

- Tên công ty: ***Công ty Cổ phần Nước Sóc Trăng***

- Địa chỉ: Đường D4, KCN An Nghiệp, P7, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

- Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cung cấp nước

- Giấy chứng nhận ĐKKD số 2200680885 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 28/10/2013

- Vốn điều lệ: 41.600.000.000 *(Bốn mươi mốt tỷ, sáu trăm triệu đồng)*

- Cổ phần sở hữu: 1.206.400 cổ phần, chiếm 29% vốn điều lệ

5. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu

- Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh nhằm thu lợi nhuận tối đa, tăng cổ tức cho các cổ đông, tạo việc làm, thu nhập cho người lao động và đóng góp ngân sách Nhà nước, phát triển ngày càng lớn mạnh.

- Tiếp tục thực hiện các dự án phát triển hệ thống cấp nước trên toàn tỉnh Sóc Trăng với lộ trình đầu tư phù hợp, hiệu quả, đảm bảo cấp nước an toàn, đầy đủ cho người dân và doanh nghiệp trong toàn tỉnh Sóc Trăng.

- Ứng dụng khoa học, công nghệ thông tin trong quản lý và vận hành hệ thống cấp nước, phấn đấu hàng năm tỷ lệ thất thu, thất thoát giảm so với năm trước.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Đầu tư xây dựng các nhà máy, cụm xử lý, nâng cấp các nhà máy nước để bổ sung nguồn nước cho khu vực tỉnh Sóc Trăng và các vùng lân cận.

- Đầu tư hệ thống điện mặt trời tại một số nhà máy nước nhằm giảm dần lượng tiêu thụ điện năng ngày càng lớn, giảm chi phí hoạt động của Công ty.

- Đầu tư dự án chống thất thoát, sửa chữa, vệ sinh mạng lưới cấp nước.

- Đầu tư nâng cấp hệ thống quản lý doanh nghiệp bằng công nghệ thông tin.

5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

- Đảm bảo mục tiêu không ảnh hưởng môi trường trong quá trình thực hiện các dự án và sản xuất kinh doanh như: Bảo tồn nguồn nước, tiết kiệm nguồn nước *(nước mặt và nước ngầm)*, tiết kiệm năng lượng, sử dụng máy móc thiết bị, hóa chất xử lý nước thân thiện với môi trường,…

- Đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ an sinh xã hội, đáp ứng được nhu cầu sử dụng nước, bảo đảm yêu cầu vệ sinh của cộng đồng.

6. Các rủi ro

- Số lượng khách hàng và mức sử dụng nước sạch sau khi vận hành các dự án thường thấp hơn cam kết trước khi thực hiện dự án, dẫn đến doanh thu không đạt như mong muốn, làm giảm hiệu quả kinh doanh.

- Công tác sửa chữa, cải tạo kết cấu hạ tầng trong tỉnh đã buộc công ty phải chịu chi phí di dời các tuyến ống, ảnh hưởng đến việc cấp nước cho khách hàng và kiểm soát thất thoát nước.

- Nguồn nước ngầm đang dần cạn kiệt, nguồn nước mặt bị ô nhiễm, hiện tượng xâm nhập mặn tại địa bàn tỉnh Sóc Trăng do biến đổi khí hậu diễn biến ngày càng phức tạp đã ảnh hưởng đến nguồn cung cấp nước của công ty, làm cho chi phí sản xuất tăng cao trong xử lý cũng như tìm kiếm các nguồn nước khác để thay thế.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- M^3 nước thương phẩm: 21.549.871 m^3, đạt tỷ lệ 99,8% so với kế hoạch năm, tăng trưởng 4,3% so với năm 2021.

- Tổng doanh thu: 207.287.813.004 đồng, đạt 102% so với kế hoạch năm và tăng 4,9% so với năm 2021.

Trong đó:

+ Doanh thu cấp nước: 197.060.900.479 đồng, chiếm 95,07%

+ Doanh thu lắp đặt: 2.564.062.791 đồng, chiếm 1,24%

+ Doanh thu nước đóng chai: 3.727.990.779 đồng, chiếm 1,8%

+ Doanh thu khác: 175.038.825 đồng, chiếm 0,08%

+ Doanh thu tài chính: 1.374.418.127 đồng, chiếm 0,66%

+ Thu nhập khác: 2.385.402.003 đồng, chiếm 1,15%

- Lợi nhuận sau thuế: 35.703.159.180 đồng, đạt tỷ lệ 255% so với kế hoạch năm, tăng tưởng 191,5% so với 2021.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Ban điều hành

TT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ, ngành nghề đào tạo chuyên môn	Số CP có quyền biểu quyết
1	Đặng Văn Ngọ	Tổng Giám đốc	1965	Kỹ sư Cấp thoát nước	7.900
2	Trần Anh Hòa	Phó Tổng Giám đốc	1972	Kỹ sư CTN, Cử nhân Luật	3.893.767
3	Nguyễn Quang Mãi	Phó Tổng Giám đốc	1977	Thạc sỹ kỹ thuật	3.172.626
4	Ong Hải Phước	Phó Tổng Giám đốc	1965	Kỹ sư Cấp thoát nước	8.500
5	Võ Thị Phương Diệu	Kế toán trưởng	1981	Cư nhân Kế toán, Cử nhân Luật	200

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành: Không có

2.3. Số lượng cán bộ CNV-LĐ tính đến hết ngày 31/12/2022

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
I. Phân theo trình độ lao động	**293**	
- Trên đại học	05	1,71%
- Đại học, cao đẳng	138	47,1%
- Trung cấp	42	14,33%
- Trình độ Sơ cấp, công nhân kỹ thuật	108	36,86%

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
II. Phân theo hợp đồng lao động	**293**	
- Hợp đồng lao động không xác định thời hạn	291	99,32%
- Hợp đồng lao động ngắn hạn từ 01-03 năm	02	0,68%
- Hợp đồng lao động dưới 01 năm	00	0,00%

2.4. Chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

- Thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động đúng theo quy định, kết quả 100% người lao động được ký kết hợp đồng lao động, tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và được trả lương kịp thời, đầy đủ;

- Công tác an toàn vệ sinh, lao động được triển khai thực hiện theo quy định.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn

a. Mạng lưới

TT	Tên dự án/ công trình
1	Cải tạo sửa chữa tuyến ống khép vòng hẻm 585 Lê Hồng Phong, TP. Sóc Trăng
2	Cải tạo sửa chữa tuyến ống hẻm 36, đoạn từ đường Huỳnh Phan Hộ đến đường Kênh 30/4, TP. Sóc Trăng
3	Cải tạo sửa chữa tuyến ống đường cặp Kênh 5 Nhạo, ấp 2, TT. Long Phú
4	Cải tạo sửa chữa tuyến ống đường đal ấp Sóc Mới, xã Long Phú
5	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đê bao quốc phòng, ấp Giồng Chùa - Trần Đề
6	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm Hai Khoai, đường Nam Sông Hậu, ấp Đầu Giồng - Trần Đề
7	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm 2, Nam Sông Hậu, ấp Giồng Chùa - Trần Đề
8	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm cầu Bưng Lức, ĐT934, ấp Hội Trung - LHT
9	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm lộ đal bên sông, ấp Giồng Giữa nối dài - Lịch Hội Thượng
10	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm nhà Sơn Xuyên, ấp An Khương - Kế Sách
11	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm nhà Thạch Xuyên, ấp An Khương - Kế Sách
12	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước ấp Tài Công, xã Tài Văn, huyện Trần Đề
13	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường tỉnh 935 nối dài - Vĩnh Châu
14	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường 30/4, khóm 1, phường 1 - Vĩnh Châu
15	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Vành Đai 2 - TP. Sóc Trăng
16	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm 3 Nam Sông Hậu, ấp Giồng Chùa - Trần Đề

TT	Tên dự án/ công trình
17	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm cây Sung, ấp Hội Trung (nối dài) - LHT
18	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Đoàn Thị Điểm - TP. Sóc Trăng
19	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước ấp Xóm Tro - Hưng Lợi
20	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Kênh Lam Sơn (bên trái), đoạn hộ Võ Văn Hiệp đến hộ Võ Hùng Anh - Ngã Năm
21	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước Trung tâm thương mại Kế Sách
22	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước cặp Kênh Phụ Nữ, từ hộ Lý Minh Gang đến hộ Nguyễn Hoàng Anh, ấp Khoan Tang - Long Phú
23	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước ấp Chợ Cũ, đoạn từ cuối ống hẻm 205 đến hộ ông Tư Lợi - Mỹ Xuyên
24	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước ấp Chợ Cũ, đoạn từ cống đập đường Ngô Quyền đến nhà ông Hai Liêu - Mỹ Xuyên
25	Lắp đặt tuyến ống nước thô D168 giếng TĐ4 - Trần Đề
26	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước Kênh Đường Trâu, đoạn từ Pháo Đài đến nhà số 52 - Ngã Năm
27	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước Kênh Xẻo Cạy (bên phải), đoạn từ Trường tiểu học Tân Lập A đến cầu Dừa - Ngã Năm
28	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Lạc Long Quân, đoạn từ Ngã ba (chùa Giác Hương) đến hộ Trương Văn Hai - Ngã Năm
29	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước ấp Phú Tân, thị trấn Phú Lộc
30	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước ấp Kinh Ngay, thị trấn Hưng Lợi
31	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường đal nối ấp Chùa Ông và ấp Mây Hắt, thị trấn Đại Ngãi

b. Xây dựng

TT	Tên dự án/ công trình
1	Đắp bờ bao, san lấp nền, nền cụm xử lý, hàng rào lưới B40 - NMN Ngã Năm 2
2	Đường nội bộ - NMN Ngã Năm 2
3	Cải tạo nâng cấp đường dây điện NMN Ngã Năm 2
4	Thay trụ điện nghiêng tại Trạm nước thô - NMN Khu Công nghiệp
5	Sửa chữa, sơn văn phòng, hàng rào, bể chứa XN Vĩnh Châu; Sửa chữa, sơn lại văn phòng Trạm Hải Ngư

TT	Tên dự án/ công trình
6	Sửa chữa, sơn lại văn phòng XNCN Long Phú
7	Sửa chữa, sơn văn phòng XNCN Ngã Năm
8	Cải tạo đường dây dẫn điện cho Nhà máy Nguyễn Chí Thanh
9	Cải tạo sửa chữa phòng làm việc của Tổng giám đốc
10	Sửa chữa hồ chứa nước tuần hoàn sau lọc tại XNCN Vĩnh Châu

c. Công nghệ, nhà máy

TT	Tên dự án/ công trình
1	Giếng khoan khai thác TĐ4 – XNCN Trần Đề
2	Giếng quan trắc QT.8A – XNCN Nguyễn Chí Thanh
3	Giếng quan trắc QT.BS1 – XNCN Phú Lợi
4	Giếng quan trắc N6A - NMN Khu công nghiệp An Nghiệp
5	Sửa chữa giếng khoan KS3, KS4 – XNCN Kế Sách
6	Sửa chữa giếng G5 – Nhà máy Mỹ Xuyên 3
7	Lắp đặt đường ống công nghệ, HT điện điều khiển giếng TĐ4 – XNCN Trần Đề
8	Trám lấp giếng LHT1 - Trạm cấp nước Lịch Hội Thượng

3.2. Các công ty con, công ty liên kết: Chưa nhận được báo cáo từ đơn vị liên kết.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

CHỈ TIÊU	Từ 01/01/2021-31/12/2021	Từ 01/01/2022-31/12/2022	% Tăng, giảm
- Tổng giá trị tài sản	198.829.495.892	229.990.350.531	15,7%
- Doanh thu thuần	193.734.182.336	203.527.992.874	5,1%
- Lợi nhuận kinh doanh	10.788.053.905	42.270.150.646	291,8%
- Lợi nhuận khác	1.461.263.031	2.286.900.666	56,5%
- Lợi nhuận trước thuế	12.249.316.936	44.557.051.312	263,8%
- Lợi nhuận sau thuế	12.249.316.936	35.703.159.180	191,5%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CHỈ TIÊU	ĐVT	Từ 01/01/2021-31/12/2021	Từ 01/01/2022-31/12/2022
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,4	2,9
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,2	2,6
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	22,8%	17,8%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	29,6%	21,6%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	13,4	2,8
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	1,0	0,9
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	6,3%	17,5%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	8,0%	18,9%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	6,2%	15,5%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần ….	%	5,6%	20,8%

5. Cơ cấu cổ phần, cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cơ cấu cổ phần

Cơ cấu cổ phần	Số lượng	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ / điều lệ (%)
1. Tự do chuyển nhượng	**9.398.348**	**93.983.480.000**	**59,25%**
2. Hạn chế chuyển nhượng, *trong đó*	**6.464.785**	**64.647.850.000**	**40,75%**
- Cổ phần do tổ chức Công đoàn cơ sở sở hữu *(không được phép chuyển nhượng)*	7.932	79.320.000	0.05%
- Cổ phần do nhà đầu tư chiến lược cam kết không chuyển nhượng *(5 năm)*	6.345.253	63.452.530.000	40,00%

Cơ cấu cổ phần	Số lượng	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ / điều lệ (%)
- Cổ phần do người lao động mua theo cam kết làm việc lâu dài *(từ 3 - 10 năm)*	111.600	1.116.000.000	0,70%
Tổng cộng	**15.863.133**	**158.631.330.000**	**100%**

5.2. Cơ cấu cổ đông

- Tính đến thời điểm ngày 31/12/2022, cơ cấu cổ đông như sau:

TT	Đối tượng	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ so vốn điều lệ (%)
I	**Trong nước**	**15.863.133**	**158.631.330.000**	**100%**
1	Cổ phần nhà nước nắm giữ	7.772.935	77.729.350.000	49%
2	Cổ phần tổ chức nắm giữ	7.637.398	76.373.980.000	48.15%
3	Cổ phần của cá nhân nắm giữ	452.800	4.528.000.000	2,85%
II	**Nước ngoài**	**0**	**0**	**0**
Tổng cộng		**15.863.133**	**158.631.330.000**	**100%**

- Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ

TT	Họ và tên	CMND/Giấy CNĐKKD	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ SH (%)
1	Ủy ban Nhân dân tỉnh Sóc Trăng		7.772.935	49,00%
2	Công ty Cổ phần HAWACO	0101189376	6.345.253	40,00%
3	Công ty Cổ phần VBIC Việt Nam	0108307727	1.284.213	8,10%

- Danh sách cổ đông chiến lược

TT	Họ và tên	CMND/Giấy CNĐKKD	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ SH (%)
1	Công ty Cổ phần HAWACO	0101189376	6.345.253	40,00%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.5. Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a. Tổng lượng nguyên vật liệu sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính

Công ty sử dụng các nguyên vật liệu, hóa chất xử lý nước như: Javen, Clo *(Clo bột 90%, Clo hạt 90%, Clo hạt 60%, Clo viên),* PAC, Chất chống cáu cặn, cát lọc, hạt xốp,… cho quá trình xử lý nước để tạo ra nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của người dân. Đây là những hóa chất thông dụng, không đòi hỏi các chất hỗ trợ, các thiết bị và thao tác phức tạp nhưng mang lại hiệu quả cao trong quá trình lọc nước, ổn định độ pH của nước, góp phần tạo ra nguồn nước chất lượng.

b. Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính: Không

6.2. Tiêu thụ năng lượng

a. Điện năng tiêu thụ trực tiếp: 9.517.764 kW

b. Điện năng tiết kiệm được thông qua việc công ty đầu tư lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời công suất 20 kW tại Xí nghiệp cấp nước Mỹ Xuyên, công suất 38,3 kW tại Trạm cấp nước Hải Ngư và công suất 38,3 kW tại Xí nghiệp cấp nước Thạnh Trị. Trong năm sử dụng khoảng 88.856 kw từ hệ thống điện mặt trời thay thế cho nguồn điện lưới từ Công ty Điện Lực.

c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không

6.3. Tiêu thụ nước

a. Nguồn nước cung cấp và lượng nước sử dụng

Công ty hiện đang quản lý và khai thác hệ thống cấp nước đô thị gồm 24 Nhà máy, Trạm khai thác xử lý nước với tổng công suất được cấp phép khai thác là 87.740 m^3/ngày đêm, gồm có 06 nhà máy tại thành phố Sóc Trăng, 03 nhà máy tại thị xã, 15 nhà máy tại các xã, thị trấn.

Với nhiệm vụ trọng tâm là cung cấp nước sạch cho sản xuất công nghiệp và dân cư trên địa bàn, Công ty đặt việc đầu tư phát triển mạng lưới cấp nước song song với việc bảo vệ nguồn tài nguyên nước là mục tiêu hàng đầu. Công suất cấp nước vào mạng lưới hiện tại vào khoảng 67.400 m^3/ngày đêm, nguồn nước khai thác chủ yếu là nước ngầm *(89%)* và nước mặt *(11%),* tổng số giếng khoan đang khai thác là 64 giếng *(14 giếng tầng sâu và 50 giếng tầng nông)* cung cấp nước sạch cho hơn 97.604 hộ khách hàng.

b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

Hiện tại công ty đang quản lý 24 nhà máy, trạm khai thác xử lý nước. Trong đó, có 07 nhà máy *(Nhà máy Khu công nghiệp, Phú Lợi, Mỹ Xuyên 1, Mỹ Xuyên 2, Mỹ Xuyên 3, Mỹ Tú, Thạnh Trị)* vận hành quy trình xử lý nước tuần hoàn sau lọc, không xả thải ra môi trường. Tổng lượng nước được tái sử dụng khoảng 638m^3/ngày, chiếm tỷ lệ 24% tổng lượng nước xử lý của toàn công ty.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 01 lần do không lưu giữ thông tin, số liệu quan trắc theo quy *định (không lưu trữ số liệu quan trắc mực nước tại các giếng quan trắc QT.6A, QT.9)* trong

khoảng thời gian từ 01/01/2020 đến 03/08/2022 và vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 2 của Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 23/GP-BTNMT ngày 24/01/2022 *(chưa hoàn thành xây dựng giếng quan trắc QT.8A theo quy định)* tại Xí nghiệp cấp nước Nguyễn Chí Thanh.

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về tài nguyên nước: 60.000.000 đồng

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a. Số lượng lao động: 293 người, mức thu nhập trung bình đối với người lao động là 9.850.000 đồng/người/tháng.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khoẻ, an toàn và phúc lợi của người lao động: Công ty thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định, kết quả 100% người lao động được ký kết hợp đồng lao động, tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và được trả lương kịp thời, đầy đủ; công tác an toàn vệ sinh, lao động được triển khai thực hiện theo quy định.

c. Hoạt động đào tạo

Trong năm, công ty đã cử nhiều đợt cán bộ, người lao động tham gia các buổi Hội thảo, tập huấn chuyên đề, các văn bản pháp luật, huấn luyện an toàn vệ sinh lao động, tham gia các khóa huấn luyện về PCCC&CNCH, các khóa tập huấn về công tác tiền lương, thưởng Bảo hiểm xã hội cho người lao động,… do Hội Cấp thoát nước Việt Nam, Chi hội Cấp nước miền Nam và các cơ quan chức năng tổ chức, qua đó giúp cho người lao động nâng cao kỹ năng, tay nghề và ứng dụng tốt trong công việc.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty đã thực hiện tốt việc cung cấp nước sạch đáp ứng nhu cầu đời sống và phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn đô thị trong tỉnh, đảm bảo chất lượng, giá bán theo quy định; đầu tư cải tạo hệ thống cấp nước nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ cấp nước; đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước, mở rộng phạm vi khu vực được cấp nước, tăng số lượng người dân được cung cấp nước sạch sử dụng.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình trạng biến đổi khí hậu, hiện tượng xâm nhập mặn ngày càng trở nên trầm trọng tại tỉnh Sóc Trăng, đã gây tác động không nhỏ đến nguồn nước cung cấp, một số khu vực bị thiếu nguồn nước không đủ cung cấp làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn công ty, một số chỉ tiêu chưa đạt được kỳ vọng như mong muốn, công tác triển khai thực hiện các dự án và phát triển hệ thống cấp nước chưa đạt tiến độ đề ra. Ngoài ra, do còn chịu ảnh hưởng của giai đoạn dịch Covid 19, tình hình sản xuất kinh doanh công ty gặp không ít khó khăn.

Song, cùng với sự quyết tâm, đoàn kết của tập thể người lao động và sự chỉ đạo kịp thời của Hội đồng quản trị, tình hình tài chính của công ty đã dần ổn định, trong năm 2022 lợi nhuận đạt 102% so với kế hoạch năm, tăng tưởng 4,9% so với năm 2021; các chế độ, chính sách, tiền lương của người lao động cũng được thực hiện đầy đủ kịp thời theo quy định.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Từ 01/01/2021-31/12/2021	Từ 01/01/2022-31/12/2022	Tỷ trọng 01/01/2021-31/12/2021	Tỷ trọng 01/01/2022-31/12/2022
- Tài sản ngắn hạn	64.396.848.279	116.671.930.476	32,4%	50,7%
- Tài sản dài hạn	134.432.647.613	113.318.420.055	67,6%	49,3%
Tổng tài sản	**198.829.495.892**	**229.990.350.531**	**100%**	**100%**

2.2. Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Từ 01/01/2021-31/12/2021	Từ 01/01/2022-31/12/2022	Tỷ trọng 01/01/2021-31/12/2021	Tỷ trọng 01/01/2022-31/12/2022
- Nợ ngắn hạn	44.643.618.593	40.089.814.052	98,3	98,1
- Nợ dài hạn	783.189.370	794.689.370	1,7	1,9
Tổng nợ phải trả	**45.426.807.963**	**40.884.503.422**	**100%**	**100%**

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Chú trọng đào tạo phát triển nguồn nhân lực, sắp xếp bố trí lao động hợp lý; xây dựng quy chế khoán đối với các đơn vị trực thuộc nhằm tăng sự tự chủ, đồng thời nâng cao trách nhiệm của mỗi đơn vị; tiếp tục rà soát, sửa đổi bổ sung các quy chế nội bộ, các quy trình sản xuất để nâng cao chất lượng quản trị, quản lý.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Thực hiện các dự án phát triển hệ thống cấp nước, nâng công suất khai thác nước sạch các nhà máy với lộ trình đầu tư phù hợp, hiệu quả, đảm bảo cấp nước an toàn, đầy đủ cho người dân và các doanh nghiệp trong tỉnh Sóc Trăng.

- Đầu tư xây dựng mở rộng hệ thống mạng lưới phù hợp nhằm mở rộng vùng cấp nước, tăng cường phát triển khách hàng mới; cải tạo, sửa chữa, thay thế các tuyến ống cũ không bảo đảm chất lượng, gây thất thoát nước lớn.

- Đầu tư các thiết bị tiên tiến, ứng dụng khoa học công nghệ để kiểm soát vận hành nhà máy và hệ thống mạng cấp nước.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Công ty chú trọng công tác quản lý, giám sát chặt chẽ việc sử dụng tiết kiệm năng lượng, nguồn nước; duy trì tốt công tác vệ sinh môi trường, bảo vệ nguồn nước khai thác.

6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty đã và đang tạo được việc làm ổn định cho người lao động, luôn tuân thủ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật, tạo điều kiện để người lao động thể hiện năng lực, được học hỏi nâng cao kiến thức chuyên môn. Tập thể, người lao động luôn có ý thức trách nhiệm trước công việc được giao, mong muốn được gắn bó làm việc và xây dựng công ty phát triển.

6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty đã cung cấp các sản phẩm và dịch vụ bảo đảm chất lượng, chấp hành tốt pháp luật của Nhà nước và các phong trào của địa phương, góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội chung của tỉnh.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Thống nhất theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Thực hiện đúng chế độ báo cáo và lập kế hoạch thực hiện sản xuất kinh doanh, thu chi hàng tháng trình HĐQT phê duyệt đúng theo quy định. Đối với các công việc ngoài thẩm quyền, Ban Tổng Giám đốc gửi văn bản trình xin ý kiến phê duyệt của Hội đồng quản trị mới được triển khai thực hiện.

Điều hành thực hiện nghiêm chỉnh các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; duy trì hoạt động ổn định, bảo đảm an toàn về tài sản, không có tai nạn lao động xảy ra, đảm bảo quan hệ lao động hài hoà, ổn định trong doanh nghiệp.

Quyền lợi của người lao động luôn được đảm bảo, các chế độ chính sách cho người lao động thực hiện đầy đủ đúng theo quy định, người lao động được tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và được trả lương kịp thời, đầy đủ.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát, chỉ đạo các hoạt động của các đơn vị, bảo đảm thực hiện đúng các nội dung đã được thông qua trong các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT công ty.

- Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc sản xuất kinh doanh nhằm thu lợi nhuận tối đa, tăng cổ tức cho các cổ đông, tạo thêm việc làm, thu nhập cho người lao động, phát triển và mở rộng đa dạng ngành nghề kinh doanh.

- Tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước, kiểm soát tốt chất lượng nước; cải tạo, sửa chữa, thay thế các tuyến ống không bảo đảm chất lượng, thất thoát cao...

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu		Số cổ phần đại diện sở hữu	
			Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Nguyễn Trọng Hiếu	Chủ tịch HĐQT	0	0	3.172.627	20%

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu		Số cổ phần đại diện sở hữu	
			Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
2	Nguyễn Quang Mãi	TV. HĐQT	0	0	3.172.626	20%
3	Trần Anh Hòa	TV. HĐQT	7.300	0,046%	3.886.467	24,5%
4	Phan Vĩnh Tùng	TV. HĐQT	0	0	3.886.468	24,5%
5	Đặng Văn Ngọ	TV. HĐQT	7.900	0,05%	1.284.213	8,10%

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Giúp việc cho Hội đồng quản trị có Tổ trợ lý gồm 02 thành viên có chức năng, nhiệm vụ tham mưu, tư vấn cho Hội đồng quản trị trong các lĩnh vực hoạt động của công ty và Ban thư ký gồm 04 thành viên, có chức năng nhiệm vụ tổng hợp báo cáo, chuẩn bị tài liệu và ghi chép biên bản các cuộc họp Hội đồng quản trị.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên để điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty được hiệu quả, tuân thủ pháp luật và Điều lệ công ty, đồng thời nhằm đề cao vai trò, trách nhiệm cá nhân của từng thành viên Hội đồng quản trị. Trong năm Hội đồng quản trị đã ban hành 05 Nghị quyết/Quyết định, cụ thể:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT	19/01/2022	Phê duyệt Quỹ tiền lương năm 2021
2	Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT	07/3/2022	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
3	Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT	21/4/2022	Thay đổi thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
4	Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT	09/5/2022	Thay đổi thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 *(lần 2).*
5	Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT	29/6/2022	Thống nhất việc đi nước ngoài của ông Đặng Văn Ngọ *(thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc công ty)*

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Hoạt động theo điều lệ công ty.

1.5. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Tổ trợ lý, Ban thư ký thực hiện theo nhiệm vụ được giao, là cầu nối giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành công ty và các đơn vị trực thuộc.

1.6. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia đào tạo về quản trị trong năm: Không.

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu		Số cổ phần đại diện sở hữu	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Vũ Tiến Bộ	Trưởng ban	0	0	0	0
2	Liễu Thu Trúc	Phó Trưởng ban	0	0	0	0
3	Thân Hương Lan	Thành viên	0	0	0	0
4	Nguyễn Trọng Kiên	Thành viên	0	0	0	0

2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS)

- Tổ chức họp định kỳ và họp đột xuất để triển khai công việc theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao;

- Trao đổi thông tin nội bộ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc nhằm mục đích bảo đảm các hoạt động của công ty là phù hợp và đáp ứng quyền lợi của cổ đông;

- Xem xét Báo cáo tài chính, Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh và chương trình kế hoạch của công ty theo định kỳ;

- Tham gia với Hội đồng quản trị trong việc đề xuất đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính của công ty;

- Kiểm tra, giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát.

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thù lao
I	**Hội đồng quản trị**			
1	Nguyễn Trọng Hiếu	Chủ tịch HĐQT	510.706.000	276.160.069
2	Đặng Văn Ngọ	TV. HĐQT		262.219.762
3	Nguyễn Quang Mãi	TV.HĐQT		261.754.329
4	Trần Anh Hòa	TV.HĐQT		261.754.329
5	Phan Vĩnh Tùng	TV. HĐQT		261.754.329
II	**Ban kiểm soát**			
1	Vũ Tiến Bộ	Trưởng BKS	-	336.410.705
2	Liễu Thu Trúc	Thành viên BKS	-	168.205.352

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thù lao
3	Nguyễn Trọng Kiên	Thành viên BKS	-	82.500.000
4	Thân Hương Lan	Thành viên BKS	-	98.205.352
III	**Ban Tổng Giám đốc**			
1	Đặng Văn Ngọ	Tổng Giám đốc	498.180.000	
2	Trần Anh Hòa	Phó TGĐ	418.551.200	
3	Nguyễn Quang Mãi	Phó TGĐ	418.551.200	
4	Ong Hải Phước	Phó TGĐ	418.551.200	

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Các bên liên quan	Nội dung giao dịch	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Hawaco Miền Nam	Không phát sinh	0
Công ty Cổ phần Nước Sóc Trăng	Mua nước sạch	14.978.816.160
	Mua điện	105.479.779

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến của kiểm toán viên

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán, phê duyệt ngày 06/3/2023 được đăng tải trên trang web công ty và được công bố thông tin theo quy định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- UBCKNN;
- Sở GDCK Hà Nội;
- HĐQT, Ban TGĐ;
- Lưu: VT, HC.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Đặng Văn Ngọ